

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 03/7/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1952; Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày: Ông L và bà T chung sống với nhau từ năm 1976, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống với nhau ông L và bà T có với nhau 06 người con chung gồm Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Thường V, sinh năm 1983; Nguyễn Tấn H, sinh năm 1986; Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989 và Nguyễn Tấn B, sinh năm 1995 hiện các cháu đã có gia đình riêng không còn sống phụ thuộc vào gia đình.

Đối với tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Tấn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2004, nguyên nhân mâu thuẫn do bà T không lo làm ăn,

thường xuyên bỏ nhà đi đánh bài, đánh bạc, hai bên không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã. Ông L và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay.

Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con đã trưởng thành.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã triệu tập hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên bà T vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách (vắng mặt không có lý do).

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú, tuy nhiên do ông L, bà T không yêu cầu hòa giải ở cơ sở nên Ban tự quản thôn T (nơi ông bà cư trú) không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên việc ông L, bà T không sống chung với nhau đã lâu và mâu thuẫn là có thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 56; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 1, mục 2 Nghị Quyết số 01/1988/NQ-HĐTP, ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Tấn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Các con của ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị T đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn L nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó TAND huyện Đắk Mil xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1976, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân của ông bà được hai bên gia đình và bà con họ hàng đồng ý, có tổ chức đám cưới và có với nhau 6 người con chung. Lẽ ra, khi về chung sống với nhau, ông L, bà T phải thật sự yêu thương và sống vì nhau, xây dựng gia đình hoà thuận hạnh phúc, nhưng ngược lại, trong thời gian chung sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau. Từ đó phát sinh mâu thuẫn, hậu quả là ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người tự sống cuộc sống riêng của mình. Ông L cũng xác định, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không đạt được mục đích, do đó ông giữ nguyên quan điểm xin ly hôn.

Khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định “Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng...”.

Do đó việc chung sống với nhau như vợ chồng của ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị T từ năm 1976 được xác định là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận.

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Đắk Mil đã tổng đạt triệu tập hợp lệ đối với bà T nhưng bà cố tình vắng mặt. Tuy nhiên, HĐXX xác định những nội dung trình bày của ông L về mâu thuẫn vợ chồng là có thật, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX nghĩ cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn L, xử cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Các con của ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị T đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 56; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 1, mục 2 Nghị Quyết số 01/1988/NQ-HĐTP, ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn L

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Tấn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Các con của ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị T đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tấn L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003304 ngày 18/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh